

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2861* /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày *14* tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết
giáo dục quốc phòng và an ninh**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ khoản 2, Điều 41 Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDDT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Sau khi thống nhất với Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 3310/BGDDT-GDQPAN ngày 06/8/2021); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số 2662/LĐTBXH-TCGDNN ngày 13/8/2021);

*Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam tại Công văn số *257* /TM-VP ngày *14* tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh sách các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học liên kết với các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh để thực hiện môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên (theo Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDDT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học) *(có phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chủ trì, phối hợp với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực hiện liên kết môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2320/QĐ-BQP ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp triển khai thực hiện.

Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Hiệu trưởng (Giám đốc) các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ng*

Nơi nhận:

- Chủ tịch HẸGDQP&ANTW (để b/c);
- Các bộ, ngành Trung ương (để phối hợp thực hiện);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để phối hợp thực hiện);
- Quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 và BTLTĐHN;
- BTLTPHCM, Bộ CHQS các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- C20, C50, C57, C63;
- Vụ GDQP&AN/BGD&ĐT;
- Tổng Cục GDNN/BLĐT&XH;
- Các trung tâm GDQP&AN;
- Lưu: VT, NC. Uân 240.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Tân Cương

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

Phụ lục
DANH SÁCH LIÊN KẾT
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
(Kèm theo Quyết định số 2861/QĐ-BQP ngày 24 tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
1	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	1	Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội	200 - 300
		2	Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam	500 - 500
		3	Trường ĐH PHENIKAA	300- 300
		4	Trường ĐH Luật Hà Nội	1.000 - 1.000
		5	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội	1.800 - 1.900
		6	Trường ĐH Đồng Đô	3.000 - 3.100
		7	Trường ĐH Sư phạm nghệ thuật TW	500 - 600
		8	Trường Đại học Hà Nội	2.600 - 2.700
		9	Trường ĐH Mỹ thuật công nghiệp	400 - 500
		10	Học viện Kỹ thuật Mật mã	500 - 600
		11	Học viện CN Bưu chính Viễn thông	2.400 - 2.500
		12	Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội	50 - 100
		13	Trường ĐH Thăng Long	50 - 100
		14	Trường CĐ Nghệ thuật Hà Nội	100 - 200
		15	Trường CĐ Xây dựng số 1	50 - 100
		16	Trường CĐ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Bộ	50 - 100
		17	Trường CĐ nghề Nguyễn Trãi	50 - 100
		18	Trường CĐ nghề Simco Sông Đà	50 - 100
		19	Trường CĐ Cộng đồng Hà Tây	50 - 100
		20	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại	200 - 300
		21	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic	2.000 - 2.100
		22	Trường CĐ nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ Hà Nội	50 - 100
		23	Trường CĐ Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	50 - 100
		24	Trường CĐ KT - KT và Công Nghệ	50 - 100
		25	Trường CĐ Y Hà Nội I	100 - 200

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		26	Trường CĐ Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	100 - 200
		26 (ĐH: 13, CĐ: 13); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 16.200 - 18.000		
2	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	1	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	1.200 - 1.300
		2	Trường ĐH Ngoại thương	2.000 - 2.100
		3	Trường ĐH Dân lập Phương Đông	1.300 - 1.400
		4	Trường ĐH Thương mại	4.000 - 4.100
		5	Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng HN	1.000 - 1.100
		6	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (Chương trình tiên tiến)	1.500 - 1.600
		7	Trường Đại học FPT	1.000 - 1.200
		8	Trường CĐ Công nghiệp và Thương mại	100 - 200
		9	Trường CĐ Vĩnh Phúc	50 - 100
		10	Trường CĐ Điện lực Miền Bắc	50 - 100
		11	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế HN	100 - 200
		12	Trường CĐ nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội	100 - 200
		13	Trường CĐ nghề Việt Xô số 1	50 - 100
		14	Trường CĐ Cơ điện Hà Nội	50 - 100
		14 (ĐH: 07, CĐ: 07); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 12.500 - 13.800		
3	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội	1	Trường ĐH Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.300 - 1.400
		2	Trường ĐH Công nghệ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.500 - 1.600
		3	Trường ĐH Khoa học tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.800 - 1.900
		4	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.800 - 1.900
		5	Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	1.500 - 1.600
		6	Đại học Y Dược thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	200 - 300
		7	Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	500 - 600
		8	Khoa Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	300 - 400

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		9	Trường ĐH Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	500 - 600
		10	Trường ĐH GREENWICH (Việt Nam)	500 - 600
		11	Trường ĐH Y tế Công cộng	300 - 400
		12	Học viện Quản lý giáo dục	100 - 200
		13	Trường ĐH Hòa Bình	1.000 - 1.100
		14	Trường ĐH Nguyễn Trãi	400 - 500
		15	Học Viện Phụ nữ Việt Nam	300 - 400
		16	Trường CĐ Kỹ thuật trang thiết bị y tế	100 - 200
		17	Trường CĐ Y tế Hà Nội	500 - 600
		18	Trường CĐ nghề Bách khoa Hà Nội	2.300 - 2.400
		19	Trường CĐ nghề Công nghệ cao Hà Nội	800 - 900
		20	Trường CĐ nghề Trần Hưng Đạo	50 - 100
		21	Trường CĐ Quốc tế Hà Nội	50 - 100
		22	Trường CĐ Y tế Bạch Mai	900 - 1.000
		23	Trường CĐ Sư phạm Trung ương	1.200 - 1.300
		24	Trường CĐ Sư phạm Hòa Bình	200 - 300
		25	Trường CĐ nghề Sông Đà	400 - 500
		26	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình	500 - 600
		27	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Hòa Bình	300 - 400
		28	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc	200 - 300
		28 (ĐH: 13, Khoa thuộc ĐHQG: 02; CĐ: 13); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 19.400 - 22.000		
4	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	Trường ĐH Công nghiệp Việt - Hung	1.500 - 1.600
		2	Trường ĐH Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu	50 - 100
		3	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	400 - 500
		4	Trường Đại học FPT	1.000 - 1.200
		5	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	1.400 - 1.500
		6	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương I	500 - 600
		7	Trường Cao đẳng Bách khoa	300 - 400
		8	Trường Cao đẳng Phú châu	300 - 400
		9	Trường CĐ Công thương Hà Nội	600 - 700
		10	Trường CĐ Công nghệ và Môi trường Hà Nội	700 - 800
		11	Trường CĐ Cộng đồng Hà Nội	700 - 800
		12	Trường CĐ Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	700 - 800

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		13	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội	50 - 100
		14	Trường CĐ nghề Công nghiệp Hà Nội	50 - 100
		15	Trường CĐ Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	500 - 600
		16	Trường CĐ Công nghiệp in	100 - 200
		17	Trường CĐ Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam	600 - 700
		18	Trường CĐ Kinh tế Công Nghệ Hà Nội	200 - 300
		19	Trường CĐ Y Hà Nội	700 - 800
		20	Trường CĐ Kỹ Thuật - Công Nghệ Bách Khoa Cơ sở 1	400 - 500
		21	Trường CĐ Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội	300 - 400
		22	Trường CĐ Y tế Đặng Văn Ngữ	300 - 400
		23	Trường CĐ Kỹ thuật Y Dược Hà Nội	600 - 700
		23 (ĐH: 05, CĐ: 18);		
		Lưu lượng SV dự kiến/năm: 11.950 - 14.200		
5	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	1	Trường ĐH Nông lâm Bắc Giang	100 - 200
		2	Trường CĐ Ngô Gia Tự Bắc Giang	100 - 200
		3	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghiệp	100 - 200
		4	Trường CĐ Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	100 - 200
		5	Trường CĐ Sư phạm Lạng Sơn	100 - 200
		6	Trường CĐ Y tế Lạng Sơn	200 - 300
		7	Trường CĐ Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc	1.000 - 1.100
		8	Trường CĐ Nghề Lạng Sơn	200 - 300
		08 (ĐH: 01, CĐ: 07);		
		Lưu lượng SV dự kiến/năm: 1.800 - 2.700		
6	Trung tâm GDQP&AN thuộc Đại học Thái Nguyên	1	Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp thuộc Đại học Thái Nguyên	2.100 - 2.200
		2	Trường ĐH Nông Lâm thuộc Đại học Thái Nguyên	1.300 - 1.400
		3	Trường ĐH Khoa học thuộc Đại học Thái Nguyên	2.300 - 2.400
		4	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc ĐH Thái Nguyên	1.600 - 1.700

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		5	Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Thái Nguyên	700 - 800
		6	Trường ĐH Y - Dược thuộc Đại học Thái Nguyên	1.300 - 1.400
		7	Trường ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc ĐH Thái Nguyên	1.500 - 1.600
		8	Trường Ngoại ngữ thuộc ĐH Thái Nguyên	700 - 800
		9	Khoa Quốc tế thuộc Đại học Thái Nguyên	200 - 300
		10	Phân hiệu ĐH Thái Nguyên tại Lào Cai	300 - 400
		11	Trường ĐH Việt Bắc	50 - 100
		12	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc	50 - 100
		13	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên	1.000 - 1.100
		13 (ĐH: 8, Khoa, Phân hiệu thuộc ĐH: 03; CĐ: 02);		
		Lưu lượng SV dự kiến/năm: 13.100 - 14.300		
7	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 1	1	Trường CĐ Công nghiệp Việt Đức	100 - 200
		2	Trường CĐ Cơ khí luyện kim	400 - 500
		3	Trường CĐ Công Thương Thái Nguyên	200 - 300
		4	Trường CĐ Luật Thái Nguyên	100 - 200
		5	Trường CĐ Thái Nguyên	200 - 300
		6	Trường CĐ Nghề Than - Khoáng sản Việt Nam cơ sở Việt Bắc	100 - 200
		7	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế công nghiệp	500 - 600
		8	Trường CĐ Bắc Kạn	500 - 600
		9	Trường CĐ Thương mại và Du lịch	50 - 100
		10	Trường CĐ Công Thương Việt Nam	500 - 600
		11	Trường CĐ Sư phạm Cao Bằng	400 - 500
		11 (CĐ: 10, Phân hiệu CĐ: 01);		
		Lưu lượng SV dự kiến/năm: 3.050 - 4.100		
8	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	1	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	500 - 600
		2	Trường ĐH Kinh Bắc	800 - 900
		3	Trường ĐH Công nghiệp dệt may Thời trang Hà Nội	1.500 - 1.600
		4	Trường ĐH Mỹ thuật Việt Nam	100 - 200
		5	Trường ĐH Công Nghệ Đông Á	500 - 550
		6	Trường ĐH Quốc tế Bắc Hà	200 - 300

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		7	Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	400 - 500
		8	Học viện Âm nhạc Quốc gia Hà Nội	100 - 200
		9	Trường ĐH Văn hóa Hà Nội	1.500 - 1.600
		10	Học viện Múa Việt Nam	100 - 200
		11	Trường ĐH Dược Hà Nội	800 - 1.000
		12	Trường CĐ Công nghệ Bắc Hà	50 - 100
		13	Trường CĐ Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy Sản	200 - 300
		14	Trường CĐ Ngoại ngữ - Công nghệ Việt Nhật	700 - 800
		15	Trường CĐ Công nghiệp Hưng Yên	500 - 600
		16	Trường CĐ Sư phạm Bắc Ninh	300 - 400
		17	Trường CĐ Thống kê	300 - 400
		18	Trường CĐ nghề Quản lý và Công nghệ	50 - 100
		19	Trường CĐ Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	500 - 600
		20	Trường CĐ Công nghiệp Bắc Ninh	500 - 600
		21	Trường CĐ Du lịch Hà Nội	2.000 - 2.100
		22	Trường CĐ nghề Long Biên	50 - 100
		23	Trường CĐ Kỹ thuật - Mỹ nghệ Việt Nam	200 - 300
		24	Trường CĐ Đường sắt	200 - 300
		25	Trường CĐ nghề Kỹ thuật Công nghệ	100 - 200
		26	Trường CĐ Y tế Bắc Ninh	200 - 300
		27	Trường CĐ Đại Việt	200 - 300
		28	Trường CĐ Y - Dược Cộng đồng	300 - 400
		29	Trường CĐ Y Dược Hà Nội	100 - 200
		30	Trường CĐ Lý Thái Tổ	400 - 500
		31	Trường CĐ Viglacera	50 - 100
		31 (ĐH: 11, CĐ: 20); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 13.400 - 16.350		
9	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường ĐH Tây Bắc	1	Trường ĐH Tây Bắc	1.100 - 1.200
		2	Trường CĐ Y tế Sơn La	300 - 400
		3	Trường CĐ Kỹ thuật công nghệ Sơn La	200 - 300
		4	Trường CĐ Sơn La	200 - 300
		5	Trường CĐ Cộng đồng Lai Châu	100 - 200
		6	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	200 - 300

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		7	Trường CĐ Sư phạm Điện Biên	200 - 300
		8	Trường CĐ Y tế Điện Biên	100 - 200
		9	Trường CĐ nghề Điện Biên	200 - 300
		09 (ĐH: 01, CĐ: 08); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 2.600 - 3.500		
10	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 2	1	Học viện Ngoại giao	500 - 600
		2	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	600 - 700
		3	Trường ĐH Nội vụ Hà Nội	1.400 - 1.500
		4	Trường ĐH Trưng Vương	800 - 900
		5	Trường CĐ Thăng Long	100 - 200
		6	Trường CĐ Hùng Vương Hà Nội	400 - 500
		7	Trường CĐN Thiết kế và Thời trang London	100 - 200
		8	Trường CĐ Cơ khí Nông nghiệp	400 - 500
		9	Trường CĐ nghề Vĩnh Phúc	200 - 300
		10	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc	300 - 400
		10 (ĐH: 04, CĐ: 06); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 4.800 - 5.800		
11	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng	1	Trường CĐ Công nghiệp Quốc phòng	200 - 300
		2	Trường CĐ Sư phạm Yên Bái	200 - 300
		3	Trường CĐ VHNT và Du lịch Yên Bái	50 - 100
		4	Trường CĐ Y tế Yên Bái	200 - 300
		5	Trường CĐ Y Dược Pasteur	50 - 100
		6	Trường CĐ Nghề Yên Bái	300 - 400
		7	Trường CĐ Nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	600 - 700
		8	Trường CĐ Cơ điện Phú Thọ	100 - 200
		9	Trường CĐ Công Thương Phú Thọ	200 - 300
		10	Trường CĐ Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ	100 - 200
		11	Trường CĐ Y tế Phú Thọ	600 - 700
		11 (CĐ: 11); Lưu lượng SV dự kiến/năm: 2.600 - 3.600		

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
12	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hùng Vương	1	Trường ĐH Hùng Vương	1.200 - 1.300
		2	Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì	1.000 - 1.100
		3	Học viện Tài chính	3.800 - 4.000
		4	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	1.400 - 1.500
		5	Trường ĐH Ngoại thương chương trình chất lượng cao	1.000 - 1.100
		6	Học viện Chính sách và Phát triển	1.100 - 1.200
		7	Trường CĐ Nghề Phú Thọ	200 - 300
		8	Trường CĐ Công nghiệp thực phẩm	200 - 300
		9	Trường CĐ Lào Cai	1.000 - 1.100
		10	Trường CĐ Sư phạm Hà Giang	100 - 200
		11	Trường CĐ Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	100 - 200
		11 (ĐH: 06, CĐ: 05); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 11.100 - 12.300		
13	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 3	1	Trường ĐH Sao Đỏ	1.100 - 1.200
		2	Trường ĐH Hải Dương	200 - 300
		3	Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương	600 - 700
		4	Trường ĐH Thành Đông	500 - 600
		5	Trường CĐ Cơ giới Xây dựng	500 - 600
		6	Trường CĐ Giao thông vận tải đường thủy 1	100 - 200
		7	Trường CĐ Nghề Hải Dương	200 - 300
		8	Trường CĐ Giao thông vận tải đường bộ	400 - 500
		9	Trường CĐ Dược Trung ương Hải Dương	400 - 500
		10	Trường CĐ Hải Dương	200 - 300
		11	Trường CĐ Du lịch và Công thương	600 - 700
		12	Trường CĐ Y tế Hải Dương	200 - 300
		13	Trường CĐ Y tế Quảng Ninh	200 - 300
		14	Trường CĐ Việt - Hàn Quảng Ninh	100 - 200
		15	Trường CĐ Than - Khoáng sản Việt Nam	1.100 - 1.200
		16	Trường CĐ Giao thông Quảng Ninh	100 - 200
		17	Trường CĐ nghề Xây dựng Quảng Ninh	100 - 200
		17 (ĐH: 04, CĐ: 13); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.600 - 8.300		

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
14	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	1	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	1.500 - 2.000
		2	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	1.200 - 1.300
		3	Trường CĐ Lao động - Xã hội Hải Phòng	100 - 200
		4	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ	200 - 300
		5	Trường CĐ Hàng hải I	200 - 300
		05 (ĐH: 02, CĐ: 03); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 3.200 - 4.100		
15	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hải phòng	1	Trường ĐH Hải Phòng	2.000 - 2.500
		2	Trường ĐH Quản lý và Công nghệ Hải Phòng	200 - 300
		3	Trường ĐH Thái Bình	300 - 400
		4	Trường ĐH Y Dược Thái Bình	800 - 900
		5	Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội cơ sở Quảng Ninh	100 - 200
		6	Trường CĐ Giao thông vận tải TW II	100 - 200
		7	Trường CĐ Công nghệ Viettronics	50 - 100
		8	Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng	400 - 500
		9	Trường CĐ Bách nghệ Hải Phòng	100 - 200
		10	Trường CĐ Công nghệ, Kinh tế và Thủy sản	300 - 400
		11	Trường CĐ Y tế Hải Phòng	800 - 900
		12	Trường CĐ Du lịch Hải Phòng	100 - 200
		13	Trường CĐ Y tế Thái Bình	300 - 400
		14	Trường CĐ Nghề Thái Bình	100 - 200
		15	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Thái Bình	100 - 200
		16	Trường CĐ Duyên Hải	50 - 100
		17	Trường CĐ Công nghệ Bách Khoa Hà Nội Cơ sở Hải Phòng	300 - 400
		17 (ĐH: 04, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 12); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.100 - 8.100		
16	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	1	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	6.000 - 6.100
		2	Trường ĐH Hoa Lư - Ninh Bình	1.100 - 1.200
		3	Trường ĐH Lương Thế Vinh	50 - 100
		4	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	1.500 - 1.600
		5	Trường ĐH Chu Văn An	600 - 700
		6	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	1.400 - 1.500
		7	Trường CĐ Phát thanh truyền hình I	500 - 600

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		8	Trường CĐ Thủy lợi Bắc Bộ	400 - 500
		9	Trường CĐ Y tế Hà Nam	50 - 100
		10	Trường CĐ Công nghệ, Kinh tế và Chế biến Lâm sản	50 - 100
		11	Trường CĐ nghề Hà Nam	50 - 100
		12	Trường CĐ Cơ điện và Công nghệ Thực phẩm Hà Nội	500 - 600
		13	Trường CĐ Truyền hình	100 - 200
		14	Trường CĐ Sư phạm Hà Tây	50 - 100
		15	Trường CĐ Y tế Ninh Bình	50 - 100
		16	Trường CĐ Cơ giới Ninh Bình	1.500 - 1.600
		17	Trường CĐ nghề LiLama - 1	50 - 100
		18	Trường CĐ Cơ điện Tây Bắc	500 - 600
		19	Trường CĐ Sư phạm Nam Định	100 - 200
		20	Trường CĐ Xây dựng Nam Định	200 - 300
		21	Trường CĐ Kinh tế và Công nghệ Nam Định	1.200 - 1.300
		22	Trường CĐ Công nghiệp Dệt May Nam Định	50 - 100
		23	Trường CĐ Công nghiệp Nam Định	200 - 300
		24	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định	50 - 100
		24 (ĐH: 06, CĐ: 18);		
		Dự kiến lưu lượng SV/năm: 15.850 - 18.200		
17	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Thủy Lợi	1	Trường Đại học Thủy Lợi	4.000 - 4.500
		2	Trường Đại học VINUNI	300 - 400
		3	Trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh	800 - 1.000
		4	Trường ĐH Y khoa TOKYO Việt Nam	50 - 100
		5	Trường ĐH SP Kỹ thuật Hưng Yên	3.000 - 3.200
		6	Học viện Tòa án	200 - 300
		7	Trường ĐH Công nghệ & Quản lý Hữu nghị	300 - 400
		8	Trường CĐ Y tế Hưng Yên	100 - 200
		9	Trường CĐ Cộng đồng Hưng Yên	100 - 200

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		10	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên	300 - 400
		11	Trường CĐ Y - Dược ASEAN	50 - 100
		12	Trường CĐ Cơ điện và Thủy lợi	400 - 500
		13	Trường CĐ Dược Hà Nội	300 - 400
		14	Trường CĐN Dịch vụ Bảo Sơn	50 - 100
		15	Trường CĐ Sư phạm Thái Bình	400 - 500
		15 (ĐH: 07, CĐ: 08); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 10.350 - 12.300		
18	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 4	1	Trường Đại học Hà Tĩnh	200 - 300
		2	Trường ĐH Công nghiệp Vinh	50 - 100
		3	Trường CĐ Việt - Đức Nghệ An	500 - 600
		4	Trường CĐ Kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	1.000 - 1.100
		5	Trường CĐ Du lịch - Thương mại Nghệ An	1.100 - 1.200
		6	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An	200 - 300
		7	Trường CĐ Sư phạm Nghệ An	100 - 200
		8	Trường CĐ Công nghệ Hà Tĩnh	200 - 300
		9	Trường CĐ Nguyễn Du	50 - 100
		10	Trường CĐ Y tế Hà Tĩnh	50 - 100
		11	Trường CĐ Kỹ thuật Việt Đức - Hà Tĩnh	100 - 200
		12	Trường CĐ nghề Quảng Bình	100 - 200
		13	Trường CĐ Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	100 - 200
		14	Trường CĐ Y tế Quảng Bình	50 - 100
		15	Trường CĐ Luật Miền Trung (Quảng Bình)	100 - 200
		15 (ĐH: 02, CĐ: 13); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 3.900 - 5.200		
19	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Hồng Đức	1	Trường ĐH Hồng Đức	1.300 - 1.400
		2	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	400 - 500
		3	Trường ĐH Y Hà Nội Phân hiệu Thanh Hóa	200 - 300
		4	Trường CĐ Y tế Thanh Hóa	50 - 100

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		5	Trường CĐ Công nghiệp Thanh Hóa	400 - 500
		6	Trường CĐ nghề Kinh tế - Công nghệ VICET	50 - 100
		7	Trường CĐ Nông nghiệp Thanh Hóa	300 - 400
		8	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Công thương	200 - 300
		9	Trường CĐ Nghề Nghi Sơn	100 - 200
		10	Trường CĐ Y Dược Thăng Long	50 - 100
		11	Trường CĐ Bách khoa Việt Nam	300 - 400
		12	Trường CĐ Y Dược Hợp lực	300 - 400
		12 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01; CĐ: 9); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 3.650 - 4.800		
20	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Vinh	1	Trường ĐH Vinh	2.900 - 3.000
		2	Trường ĐH Y khoa Vinh	200 - 300
		3	Trường ĐH Công nghệ Vạn Xuân	100 - 200
		4	Trường CĐ Việt - Anh	50 - 100
		5	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An	50 - 100
		05 (ĐH: 03, CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 3.300 - 3.700		
21	Trung tâm GDQP&AN thuộc Đại học Huế	1	Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Huế	1.700 - 1.800
		2	Khoa Luật thuộc ĐH Huế	200 - 300
		3	Khoa Giáo dục thể chất, ĐH Huế	200 - 300
		4	Khoa Du lịch thuộc ĐH Huế	900 - 1.000
		5	Trường ĐH Kinh tế thuộc ĐH Huế	1.400 - 1.500
		6	Trường ĐH Nông lâm thuộc ĐH Huế	1.000 - 1.100
		7	Trường ĐH Nghệ Thuật thuộc ĐH Huế	50 - 100
		8	Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Huế	900 - 1.000
		9	Trường ĐH Khoa học thuộc ĐH Huế	700 - 800
		10	Trường ĐH Y - Dược thuộc ĐH Huế	1.200 - 1.300
		11	Trường ĐH Phú Xuân	300 - 400
		12	Phân hiệu Trường ĐH Tài chính Kế toán tại Thừa Thiên Huế	100 - 200
		13	Trường CĐ Sư phạm Quảng Trị	50 - 100
		14	Trường CĐ Nghề Thừa Thiên Huế	200 - 300
		15	Trường CĐ Y tế Quảng Trị	300 - 400

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		16	Trường CĐ Sư phạm Thừa Thiên Huế	400 - 500
		17	Trường CĐ Công nghiệp Huế	1.400 - 1.500
		18	Trường CĐ Du lịch Huế	400 - 500
		19	Trường CĐ Giao thông Huế	100 - 200
		20	Trường CĐ Âu Lạc - Huế	400 - 500
		21	Trường CĐ Kỹ thuật Quảng Trị	900 - 1.000
		21 (ĐH: 08, Khoa thuộc ĐH: 03, Phân viện ĐH: 01; CĐ: 09); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 12.800 – 14.800		
22	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 5	1	Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	2.100 - 2.200
		2	Trường ĐH Đông Á	900 - 1.000
		3	Trường ĐH Kỹ thuật Y dược Đà Nẵng	800 - 900
		4	Trường ĐH Bách Khoa thuộc Đại học Đà Nẵng	3.000 - 3.100
		5	Trường ĐH Ngoại Ngữ thuộc Đại học Đà Nẵng	1.800 - 1.900
		6	Trường ĐH Tài chính - Kế toán	800 - 900
		7	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương V	500 - 600
		8	Trường CĐ Lương thực, thực phẩm	200 - 300
		9	Trường CĐ nghề Đà Nẵng	1.000 - 1.100
		10	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Đà Nẵng	600 - 700
		10 (ĐH: 6, CĐ: 04); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 11.700 - 12.700		
23	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	1	Trường ĐH Thể dục - Thể thao Đà Nẵng	200- 300
		2	Trường ĐH Sư phạm thuộc Đại học Đà Nẵng	1.100 - 1.200
		3	Trường ĐH Phan Chu Trinh	50 - 100
		4	Trường ĐH Nội vụ Hà Nội Phân hiệu Quảng Nam	600 - 700
		5	Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật thuộc ĐH Đà Nẵng	1.000 - 1.100
		6	Trường ĐH Duy Tân	6.400 - 6.500
		7	Phân hiệu Trường ĐH FPT Đà Nẵng	600 - 700
		8	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic cơ sở Đà Nẵng	100 - 200
		9	Trường CĐ Bách khoa Đà Nẵng	1.100 - 1.200

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		10	Trường CĐ Đại Việt Đà Nẵng	700 - 800
		11	Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng	2.000 - 2.100
		12	Trường CĐ Lạc Việt	1.000 - 1.100
		13	Trường CĐ Du lịch Đà Nẵng	300 - 400
		14	Trường CĐ Công nghệ Y - Dược Việt Nam	500 - 600
		15	Trường CĐ Nghề Hoa sen cơ sở Đà Nẵng	200 - 300
		16	Trường CĐ Nguyễn Văn Trỗi	50 - 100
		17	Trường CĐ nghề Việt - Úc	50 - 100
		18	Trường CĐ Điện lực Miền Trung	100 - 200
		19	Trường CĐ Phương đông Quảng Nam	200 - 300
		20	Trường CĐ Quảng Nam	300 - 400
		21	Trường CĐ THACO	300 - 400
		22	Trường CĐ Công nghệ Kinh tế và Thủy lợi Miền Trung	200 - 300
		23	Trường CĐ Quốc tế Pegasus	200 - 300
		24	Trường CĐ Quốc tế Sài Gòn	500 - 600
		25	Trường CĐ Thương mại	1.200 - 1.300
		26	Trường CĐ Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng	900 - 1.000
		26 (ĐH: 05, Phân hiệu ĐH: 02, CĐ: 17, Phân hiệu CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 19.850 - 22.300		
24	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Quy Nhơn	1	Trường Đại học Quy Nhơn	1.400 - 1.500
		2	Trường Đại học Quang Trung	400 - 500
		3	Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh Phân hiệu Quảng Ngãi	1.200 - 1.300
		4	Trường CĐ Y tế Bình Định	600 - 700
		5	Trường CĐ Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ	300 - 400
		6	Trường CĐ Bình Định	700 - 800
		7	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	200 - 300
		8	Trường CĐ Quảng Ngãi	300 - 400
		9	Trường CĐ Kỹ nghệ Dung Quất	300 - 400
		10	Trường CĐ Cơ giới	200 - 300
		11	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	300 - 400
		12	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	50 - 100

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		13	Trường CĐ Công thương Thành phố Hồ Chí Minh Phân hiệu Quảng Ngãi	400 - 500
		13 (ĐH: 03, CĐ: 10); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.350 - 7.600		
25	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Sĩ quan Thông Tin	1	Trường ĐH Thái Bình Dương	900 - 1.000
		2	Trường ĐH Phú Yên	300 - 400
		3	Trường ĐH Xây dựng Miền Trung	500 - 600
		4	Học viện Ngân hàng Phân viện Phú Yên	50 - 100
		5	Trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	1.700 - 1.800
		6	Trường CĐ Du lịch Nha Trang	900 - 1.000
		7	Trường CĐ Y Dược Sài Gòn (Khánh Hòa)	100 - 200
		8	Trường CĐ Sư phạm Trung ương Nha Trang	900 - 1.000
		9	Trường CĐ Nghề Phú Yên	600 - 700
		10	Trường CĐ Y tế Phú Yên	100 - 200
		11	Trường CĐ Công thương Miền Trung	1.100 - 1.200
		11 (ĐH: 03, Phân viện ĐH: 01, CĐ: 07); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 7.150 - 8.200		
26	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Nha Trang	1	Trường ĐH Nha Trang	3.500 - 3.600
		2	Trường ĐH Khánh Hòa	600 - 700
		3	Trường ĐH Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh Phân hiệu Ninh Thuận	700 - 800
		4	Trường CĐ Y tế Khánh Hòa	1.000 - 1.100
		5	Trường CĐ Nghề Ninh Thuận	800 - 900
		05 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.600 - 7.100		
27	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Tây Nguyên	1	Trường ĐH Tây Nguyên	2.000 - 2.100
		2	Trường ĐH Buôn Ma Thuột	500 - 600
		3	Trường ĐH Đông Á Phân hiệu Đắk Lắk	100 - 200
		4	Trường ĐH Luật Hà Nội Phân hiệu tại Đắk Lắk	100 - 200
		5	Trường ĐH Đông Á Phân hiệu Gia Lai	100 - 200
		6	Trường ĐH Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh Phân hiệu Gia Lai	300 - 400
		7	ĐH Đà Nẵng Phân hiệu Kon Tum	100 - 200

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		8	Trường CĐ Y - Dược Việt Nam Phân hiệu Đắk Lắk	100 - 200
		9	Trường CĐ Y tế Đắk Lắk	300 - 400
		10	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk	100 - 200
		11	Trường CĐ Sư phạm Đắk Lắk	200 - 300
		12	Trường CĐ Công nghệ Tây Nguyên	600 - 700
		13	Trường CĐ Kỹ thuật Đắk Lắk	300 - 400
		14	Trường CĐ FPT Polytechnic Phân hiệu Tây Nguyên	400 - 500
		15	Trường CĐ Công Thương Việt Nam Phân hiệu Đắk Lắk	200 - 300
		16	Trường CĐ Gia Lai	50 - 100
		17	Trường CĐ Sư phạm Gia Lai	400 - 500
		18	Trường CĐ Cộng đồng Kon Tum	400 - 500
		19	Trường CĐ Bách Khoa Tây Nguyên	50 - 100
		20	Trường CĐ Cộng đồng Đắk Nông	50 - 100
		20 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 05; CĐ: 10, Phân hiệu CĐ: 03); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.350 - 8.200		
28	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân khu 7	1	Trường ĐH Ngoại ngữ Tin học	2.500 - 2.600
		2	Trường Đại học Sư phạm TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh	300 - 400
		3	Trường ĐH Lao động - Xã hội cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		4	Trường Đại học FPT Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.500 - 2.000
		5	Trường ĐH Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	2.500 - 3.000
		6	Trường ĐH Tài nguyên - Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	2.000 - 2.100
		7	Trường ĐH Công nghệ Miền Đông	400 - 500
		8	Trường ĐH Lâm nghiệp Phân hiệu Đồng Nai	700 - 800
		9	Trường ĐH Kinh tế - Công Nghiệp Long An	700 - 800
		10	Trường ĐH Tân Tạo	400 - 500
		11	Trường ĐH Văn Hiến	1.900 - 2.000

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		12	Học Viện Phụ nữ Việt Nam Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh	100 - 200
		13	Trường ĐH Nội vụ Hà Nội Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh	200 - 300
		14	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam	50 - 100
		15	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	200 - 300
		16	Trường CĐ Phát thanh Truyền hình II	300 - 400
		17	Trường CĐ Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	900 - 1.000
		18	Trường CĐ Sài Gòn	200 - 300
		19	Trường CĐ Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh	4.700 - 4.800
		20	Trường CĐ Y - Dược Sài Gòn	100 - 200
		21	Trường CĐ Quốc tế Cetana Psb Intellis	300 - 400
		22	Trường CĐ Viễn Đông	2.700 - 2.800
		23	Trường CĐ Mỹ thuật trang trí Đồng Nai	600 - 700
		24	Trường CĐ Y tế Đồng Nai	700 - 800
		25	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	400 - 500
		26	Trường CĐ Long An	600 - 700
		26 (ĐH: 12, Phân hiệu ĐH: 02; CĐ: 12); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 26.950 - 30.400		
29	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	1	Trường ĐH Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	700 - 800
		2	Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh	200 - 300
		3	Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh	300 - 400
		4	Học viện Kỹ thuật Mật mã Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh	400 - 500
		5	Trường ĐH Gia Định	400 - 500
		6	Trường ĐH Phan Thiết	600 - 700
		7	Trường CĐ Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	700 - 800
		8	Trường CĐ nghề Tây Ninh	1.700 - 1.800
		9	Trường CĐ Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	600 - 700

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		10	Trường CĐ nghề Thành phố Hồ Chí Minh	800 - 900
		11	Trường CĐ Việt Mỹ	700 - 800
		12	Trường CĐ Đại Việt Sài Gòn	400 - 500
		13	Trường CĐ Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		14	Trường CĐ Kỹ thuật Cao Thắng	4.500 - 4.600
		15	Trường CĐ Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh	700 - 800
		16	Trường CĐ Kỹ nghệ II	2.400 - 2.500
		17	Trường CĐ Công Nghệ Quốc tế LILAMA - 2	200 - 300
		18	Trường CĐ Công nghệ cao Đồng Nai	1.700 - 1.800
		19	Trường CĐ Công nghệ và Quản trị Sonadezi	500 - 600
		20	Trường CĐ Công Nghệ và Du lịch	500 - 600
		21	Trường CĐ Dược Sài Gòn	2.200 - 2.300
		22	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam	1.500 - 1.600
		23	Trường CĐ Sài Gòn Gia Định	200 - 300
		24	Trường CĐ Y khoa Phạm Ngọc Thạch Phân hiệu TP Hồ Chí Minh	300 - 400
		25	Trường CĐ Y Dược PASTEUR	400 - 500
		26	Trường CĐ Cộng đồng Bình Thuận	400 - 500
		27	Trường CĐ Y tế Bình Thuận	300 - 400
		28	Trường CĐ Nghề Bình Thuận	700 - 800
		29	Trường CĐ Dược Hà Nội Phân hiệu Bình Thuận	50 - 100
		29 (ĐH: 05, Phân hiệu ĐH: 01; CĐ: 21, Phân hiệu CĐ: 02); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 25.050 - 27.900		
30	Trung tâm GDQP&AN thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1	Trường ĐH Bách khoa thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	5.000 - 5.100
		2	Trường ĐH Công nghệ thông tin thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.700 - 1.800
		3	Trường ĐH Kinh tế - Luật thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.600 - 1.700
		4	Trường ĐH Quốc tế thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.700 - 1.800

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		5	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.500 - 1.600
		6	Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.500 - 1.600
		7	Khoa Y thuộc ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	300 - 400
		8	Trường ĐH Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	4.900 - 5.000
		9	Học viện Công nghệ - Bưu chính Viễn thông	700 - 800
		10	Trường ĐH Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh	1.000 - 1.100
		11	Trường ĐH Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh	1.200 - 1.300
		12	Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	5.000 - 5.100
		13	Trường ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh	100 - 200
		14	Trường ĐH Việt Đức	400 - 500
		15	Học viện Hàng không Việt Nam	900 - 1.000
		16	Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	500 - 600
		17	Trường CĐ An ninh mạng ISPACE	400 - 500
		18	Trường CĐ Công Nghệ Cao Đồng An	600 - 700
		19	Trường CĐ Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	800 - 900
		20	Trường CĐ Lê Quý Đôn	500 - 600
		21	Trường CĐ Thống kê II	400 - 500
		22	Trường CĐ Hàng hải II	200 - 300
		23	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	200 - 300
		23 (ĐH: 15, Khoa thuộc ĐH: 01; CĐ: 07); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 31.100 - 33.400		
31.	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng	1	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	1.500 - 1.600
		2	Trường Đại học Quốc tế RMIT	50 - 100
		3	Trường ĐH Hoa Sen	2.500 - 3.000
		4	Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn	1.400 - 1.500
		5	Trường ĐH Đồng Nai	1.700 - 1.800
		6	Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai	1.200 - 1.300

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		7	Trường ĐH Ngân hàng	3.000 - 3.100
		8	Trường ĐH Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	200 - 300
		9	Trường ĐH Giao thông Vận tải Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh	1.500 - 1.600
		10	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam Phân viện Miền Nam	700 - 800
		11	Trường CĐ Quốc tế KENT	100 - 200
		12	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh	1.300 - 1.400
		13	Trường CĐ Nghề Du lịch Sài Gòn	600 - 700
		14	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương III	500 - 600
		15	Trường CĐ Bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp	200 - 300
		16	Trường CĐ Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	300 - 400
		17	Trường CĐ Y - Dược Hồng Đức	300 - 400
		18	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	600 - 700
		19	Trường CĐ Công Thương Việt Nam cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh	700 - 800
		20	Trường CĐ Bách khoa Sài Gòn	500 - 600
		21	Trường CĐ Kỹ thuật Đồng Nai	500 - 600
		22	Trường CĐ Hòa Bình Xuân Lộc	1.100 - 1.200
		22 (ĐH: 08, Phân hiệu ĐH: 02; CĐ: 11, Phân hiệu CĐ: 01); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 20.450 - 22.600		
32	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường ĐH Đà Lạt	1	Trường ĐH Đà Lạt	2.700 - 2.800
		2	Trường ĐH Yesin Đà Lạt	1.000 - 1.100
		3	Trường ĐH Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở Đà Lạt	100 - 200
		4	Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc	200 - 300
		5	Trường CĐ Y tế Lâm Đồng	400 - 500
		6	Trường CĐ Nghề Đà Lạt	900 - 1.000
		7	Trường CĐ Du lịch Đà Lạt	50 - 100

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		8	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng	800 - 900
		9	Trường CĐ Sư phạm Đà Lạt	400 - 500
		09 (ĐH: 02, Phân viện ĐH: 01; CĐ: 06); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 7.150 - 8.000		
33	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường Quân sự Quân đoàn 4	1	Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn	1.100 - 1.200
		2	Trường ĐH Ngoại thương cơ sở II	900 - 1.000
		3	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1.100 - 1.200
		4	Trường ĐH Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh	600 - 700
		5	Trường ĐHMỏ địa chất cơ sở Vũng Tàu	400 - 500
		6	Trường ĐH Quốc tế Miền Đông	50 - 100
		7	Trường ĐH Thủy lợi cơ sở Bình Dương	100 - 200
		8	Trường ĐH Việt Đức	1.500 - 1.600
		9	Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu	3.400 - 3.500
		10	Trường ĐH Dầu khí Việt Nam	200 - 300
		11	Trường ĐH Thủ Dầu Một	1.600 - 1.700
		12	Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương VI	1.600 - 1.700
		13	Trường CĐ Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh	400 - 500
		14	Trường CĐ Giao thông vận tải đường thủy II	300 - 400
		15	Trường CĐ Công Nghiệp Cao su	50 - 100
		16	Trường CĐ Bình Phước	50 - 100
		17	Trường CĐ Kỹ thuật công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu	700 - 800
		18	Trường CĐ Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu	900 - 1.000
		19	Trường CĐ Dầu Khí	100 - 200
		20	Trường CĐ Du lịch Vũng Tàu	500 - 600
		21	Trường CĐ Quốc tế Vabis	100 - 200
		22	Trường CĐ Nghề Khách sạn du lịch Quốc tế Imperial	100 - 200
		23	Trường CĐ Y tế Bình Dương	700 - 800
		24	Trường CĐ Nghề Việt Nam - Singapore	500 - 600
		25	Trường CĐ Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ	200 - 300

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		26	Trường CĐ Kỹ thuật Thiết bị y tế Miền Nam	100 - 200
		27	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương	400 - 500
		28	Trường CĐ Đường sắt phía Nam	100 - 200
		29	Trường CĐ Bách Khoa Nam Sài Gòn	500 - 600
		29 (ĐH: 08, Phân hiệu ĐH: 03; CĐ: 18); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 18.250 - 21.100		
34	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường quân sự Quân khu 9	1	Trường ĐH Tây Đô	1.000 - 1.100
		2	Trường ĐH Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở Cần Thơ	100 - 200
		3	Trường ĐH Bạc Liêu	900 - 1.000
		4	Trường ĐH FPT cơ sở Cần Thơ	1.500 - 1.600
		5	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic cơ sở Cần Thơ	1.500 - 1.600
		6	Trường CĐ nghề Sóc Trăng	800 - 900
		7	Trường CĐ Cộng đồng Sóc Trăng	400 - 500
		8	Trường CĐ nghề Bạc Liêu	300 - 400
		9	Trường CĐ Y tế Bạc Liêu	300 - 400
		10	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu	500 - 600
		11	Trường CĐ Cộng đồng Cà Mau	100 - 200
		12	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau	200 - 300
		13	Trường CĐ Y tế Cà Mau	1.000 - 1.100
		14	Trường CĐ Tây Đô	100 - 200
		15	Trường CĐ Phạm Ngọc Thạch	300 - 400
		15 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 02; CĐ: 11); Dự kiến lưu lượng SV/năm: 9.000 - 10.500		
35	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường ĐH Cần Thơ	1	Trường ĐH Cần Thơ	6.900 - 7.000
		2	Trường ĐH Y - Dược Cần Thơ	1.400 - 1.500
		3	Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1.500 - 1.600
		4	Trường CĐ Y tế Cần Thơ	1.100 - 1.200
		5	Trường CĐ Cộng đồng Hậu Giang	100 - 200
		6	Trường CĐ Y tế Đồng Tháp	900 - 1.000
		7	Trường CĐ Du lịch Cần Thơ	100 - 200
		8	Trường CĐ nghề Việt Mỹ	50 - 100
		9	Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	1.600 - 1.700

Số TT	Đơn vị chủ quản	Đơn vị liên kết		Dự kiến lưu lượng SV/năm
		10	Trường CĐ Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ	300 - 400
		11	Trường CĐ nghề Cần Thơ	900 - 1.000
		12	Trường CĐ Kinh tế đối ngoại cơ sở Cần Thơ	50 - 100
		13	Trường CĐ Cần Thơ	2.000 - 2.100
		14	Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	100 - 200
		15	Trường CĐ nghề An Giang	900 - 1.000
		16	Trường CĐ Y tế An Giang	500 - 600
		17	Trường CĐ Sư phạm Kiên Giang	500 - 600
		18	Trường CĐ Y tế Kiên Giang	300 - 400
		19	Trường CĐ nghề Kiên Giang	400 - 500
		20	Trường CĐ Kiên Giang	1.000 - 1.100
		21	Trường CĐ Công Nghệ Sài Gòn	300 - 400
		21 (ĐH: 03, CĐ: 17, Phân hiệu CĐ: 01);		
		Dự kiến lưu lượng SV/năm: 20.900 - 22.900		
36	Trung tâm GDQP&AN thuộc Trường ĐH Trà Vinh	1	Trường ĐH Trà Vinh	2.800 - 2.900
		2	Trường ĐH Xây dựng Miền Tây	400 - 500
		3	Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh Phân hiệu Vĩnh Long	300 - 400
		4	Trường CĐ Y tế Trà Vinh	500 - 600
		5	Trường CĐ nghề Trà Vinh	600 - 700
		6	Trường CĐ Đồng Khởi	100 - 200
		7	Trường CĐ Y tế Tiền Giang	500 - 600
		8	Trường CĐ Tiền Giang	600 - 700
		9	Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ	300 - 400
		10	Trường CĐ nghề Vĩnh Long	200 - 300
		11	Trường CĐ Vĩnh Long	500 - 600
		11 (ĐH: 02, Phân hiệu ĐH: 01, CĐ: 08);		
		Dự kiến lưu lượng SV/năm: 6.800 - 7.900		

Ý kiến bút phê văn bản đến số 3964 (2861/QĐ-BQP)

Thời gian	Nội dung	Người phê	Ký tên
08:00:13 27/08/2021	kc Ban ĐT, TT GDQPAN thực hiện	Nguyễn Hoàng Hải	